



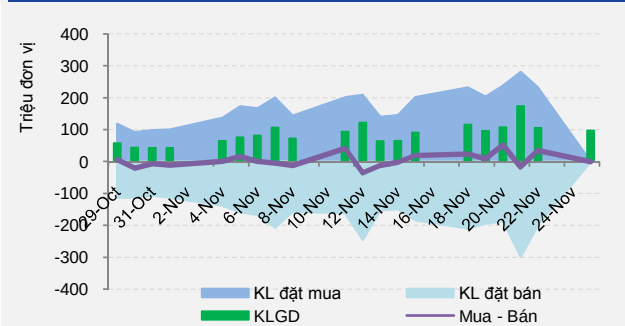
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 25/11/2013

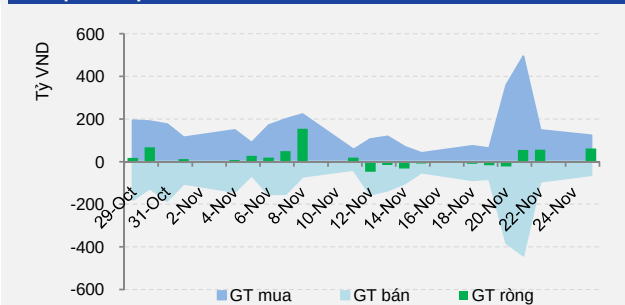
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	506.5	64.8
% Thay đổi	↑ 0.2%	↑ 0.5%
KLGD (CP)	97,382,829	37,186,340
GTGD (tỷ đồng)	1,338.68	281.32
Tổng cung (CP)	-	77,929,500
Tổng cầu (CP)	-	64,680,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,849,730	197,064
KL mua (CP)	3,538,210	929,300
GTmua (tỷ đồng)	123.79	10.55
GT bán (tỷ đồng)	61.84	2.55
GT ròng (tỷ đồng)	61.95	8.00

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.11%	7.3	1.7	2.6%
Công nghiệp	↓ -0.20%	176.0	1.1	19.8%
Dầu khí	↑ 1.15%	7.5	1.5	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 3.35%	13.4	1.7	5.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.18%	8.4	2.7	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.62%	12.4	5.1	11.4%
Ngân hàng	↓ -0.10%	6.5	1.3	9.4%
Nguyên vật liệu	↑ 0.17%	10.0	2.0	10.9%
Tài chính	↑ 0.73%	15.3	2.4	31.1%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.76%	8.8	3.2	6.2%
VN - Index	↑ 0.16%	12.8	2.9	82.9%
HNX - Index	↑ 0.50%	16.7	1.5	17.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	649,550	0.7%	1,526,000	1.6%
GTGD (tỷ VND)	1,526,000	1.6%	36,232	2.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Khối lượng đặt bán đã tăng mạnh khi VN-Index tăng lên sát mốc cân kỹ thuật 510 điểm, HNX-Index tiến đến ngưỡng cân 65 điểm. Lượng cổ phiếu về tài khoản ở mức kỷ lục trong phiên giao dịch ngày mai cũng là yếu tố khiến nhà đầu tư thận trọng về áp lực cung. Thị trường đóng cửa giảm điểm khá so với mức cao nhất, thiết lập mẫu hình Shooting Star, cho khả năng điều chỉnh giảm điểm.

Thị trường dự báo điều chỉnh giảm trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 503-505 điểm đối với VN-Index, 63 điểm đối với HNX-Index. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự kiến tiếp tục chịu áp lực bán mạnh. Nhóm cổ phiếu bluechips dự kiến vẫn thu hút sự quan tâm của dòng tiền, trong đó có khối NĐTNN. Thực tế khối lượng khớp lệnh tại sàn HNX giảm đáng kể so với các phiên sôi động trước, cho thấy quan điểm thận trọng hơn của nhà đầu tư.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 0.82 điểm (0.16%), lên 506.46 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 509.72 điểm.

- HNX-Index tăng 0.24 điểm (0.37%), lên 64.83 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 65.12 điểm.

- UBCKNN đang xem xét dự thảo hệ thống vay và cho vay chứng khoán, do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) xây dựng. Nếu được ban hành, đề án này sẽ lần đầu tiên mở ra cơ chế vay và cho vay chứng khoán chính thức tại Việt Nam (bán khống). Việc cho phép bán khống là bước tiến trong quản lý điều hành thị trường, trước khi mở rộng thực hiện giao dịch những sản phẩm cao cấp hơn như chứng khoán phái sinh, sản phẩm ETF... Tuy nhiên việc thị trường phát triển ở bậc cao hơn cũng yêu cầu việc quản lý giao dịch cần gia tăng tương xứng.

- Theo Quyết định 69 quy định cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân có hiệu lực từ ngày 10/1/2014, giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh trong phạm vi khung giá do Thủ tướng Chính phủ quy định. Khi giá điện cơ sở cao hơn mức giá hiện hành từ 7-10%, Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN được phép tăng ở mức tương ứng sau khi báo cáo và được Bộ Công Thương chấp thuận. Nếu tăng từ 10% trở lên hoặc ngoài khung giá quy định, việc điều chỉnh giá cần xin ý kiến Thủ tướng. Thời gian điều chỉnh giá bán điện bình quân giữa hai lần liên tiếp tối thiểu là 6 tháng.

- Thủ tướng Chính phủ mới ký ban hành Nghị định 188/2013 về phát triển nhà ở xã hội. Theo đó, người mua nhà ở xã hội sẽ được chuyển nhượng sau 5 năm sử dụng, kể từ thời điểm ký hợp đồng với chủ đầu tư. Trong trường hợp cần chuyển nhượng trong thời gian 5 năm thì có thể bán lại cho nhà nước, chủ đầu tư hoặc đối tượng thuộc diện được mua nhà ở xã hội theo quy định. Quy định này giúp tăng tính thanh khoản cho nhà ở xã hội, vốn đang được đánh giá kém ưu thế hơn so với nhà ở thương mại giá thấp.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 0.82 điểm (0.16%), lên 506.46 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 509.72 điểm.

- KLGD giảm 10% so phiên trước, xuống 89.9 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 61 điểm, tâm lý thị trường khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Khối lượng đặt bán đã tăng mạnh trong phiên giao dịch chiều, khi VN-Index tăng lên sát mốc cản kỹ thuật 510 điểm. Lượng cổ phiếu về tài khoản ở mức kỷ lục trong phiên giao dịch ngày mai cũng là yếu tố khiến nhà đầu tư thận trọng về áp lực cung. Thị trường đóng cửa giảm điểm khá so với mức cao nhất, thiết lập mẫu hình Shooting Star, cho khả năng điều chỉnh giảm điểm.

Thị trường dự báo điều chỉnh giảm trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 503-505 điểm. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự kiến tiếp tục chịu áp lực bán mạnh. Nhóm cổ phiếu bluechips dự kiến vẫn thu hút sự quan tâm của dòng tiền, trong đó có khối NĐTNN.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.24 điểm (0.37%), lên 64.83 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 65.12 điểm.

- KLGD giảm 3.8% so với phiên trước, xuống 36.9 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 đang ở mức 74 điểm, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Khối lượng đặt bán đã tăng mạnh khi HNX-Index tiến gần mức đỉnh gần nhất 65 điểm. Lượng cổ phiếu về tài khoản ở mức kỷ lục trong phiên giao dịch ngày mai cũng là yếu tố khiến nhà đầu tư thận trọng về áp lực cung. Thị trường đóng cửa giảm điểm khá so với mức cao nhất, thiết lập mẫu hình Shooting Star, cho khả năng điều chỉnh giảm điểm. Khối lượng khớp lệnh tại sàn HNX cũng giảm đáng kể so với các phiên sôi động trước, cho thấy nhà đầu tư đang thận trọng hơn đối với nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng.

Thị trường dự báo điều chỉnh giảm trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 63 điểm. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự kiến tiếp tục chịu áp lực bán mạnh.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	142.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	440.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	78.5%	102.3%	29.4%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.4%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	11.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	120.6%	102.4%	39.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	108.8%	129.7%	23.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	171.8%	129.1%	45.0%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q3/2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	142.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	440.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
4	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	120.6%	102.4%	39.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.4%
6	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	108.8%	129.7%	23.0%
7	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	78.5%	102.3%	29.4%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
9	BVH	HOSE	2131.06	102.6%	280.51	102.6%	6337.23	101.5%	804.74	84.5%	73.0%	24.1%
10	HAG	HOSE	599.3	25.0%	235.58	243.9%	2014.28	56.9%	606.16	217.7%	73.0%	38.4%

CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI KÍN ROOM

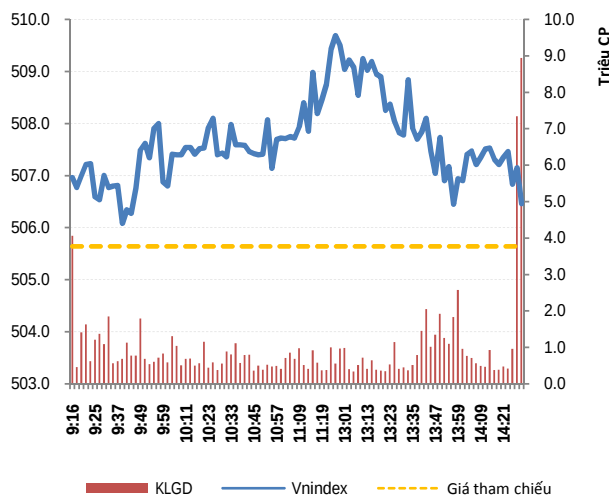
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
2	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
3	BMP	HOSE	523.37	111.6%	87.06	96.8%	1552.16	112.9%	282.92	108.8%	89.8%	49.0%
4	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	86.7%	76.0%	49.0%
5	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	36.1%	11.9%	49.0%
6	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17207.3%	104.8%	49.0%
7	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	96.8%	100.3%	49.0%
8	PHS	HNX	10.63	118.1%	-8.13	48.8%	37.67	84.0%	-14.13	21.3%	0.0%	49.0%
9	VCS	HNX	462.39	180.8%	12.9	105.7%	1001.59	138.4%	48.57	138.7%	96.5%	49.0%
10	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	-157.0%	110.4%	48.0%

Ghi chú: Chỉ liệt những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

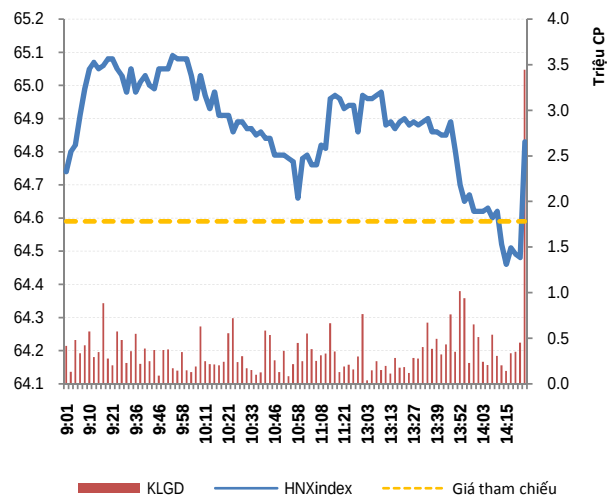
Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/11/2013



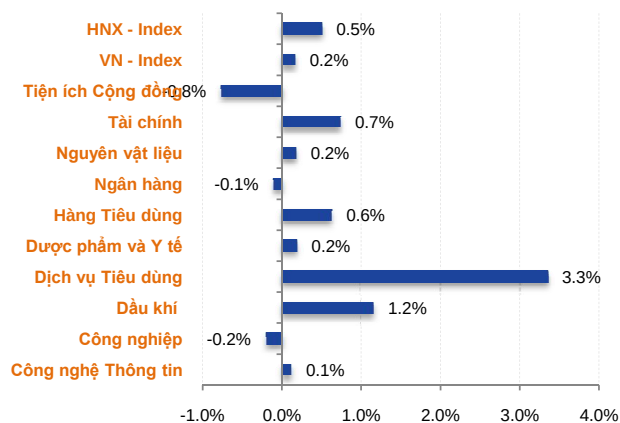
KLGD và VN-Index trong phiên



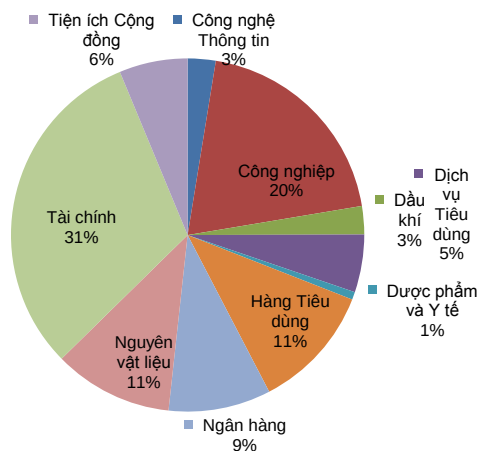
KLGD và HNX-Index trong phiên



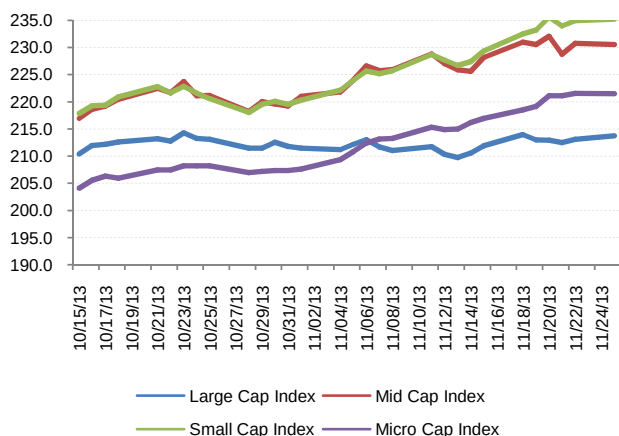
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



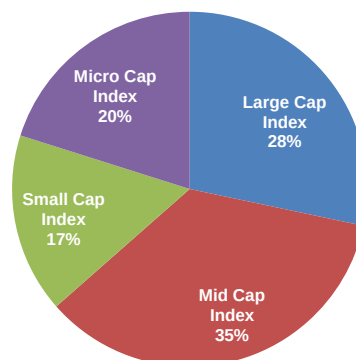
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	371,060	HAG	321,450
2	PHR	293,230	SBT	108,420
3	GMD	239,910	CII	100,000
4	FCN	180,000	HBC	70,000
5	MSN	169,350	VIC	65,570

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLS	152,600	DBC	60,000
2	PVS	149,000	VNR	21,000
3	PLC	126,000	VCS	15,000
4	VND	115,000	NST	12,000
5	SDH	67,000	PVL	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	6.6	6.6	→ 0.00%	7,375,890
STB	17.8	17.8	→ 0.00%	6,378,517
HQC	6.9	6.7	↓ -2.90%	5,198,360
ITA	6.7	6.5	↓ -2.99%	4,212,680
SSI	17.4	17.6	↑ 1.15%	3,750,980

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	6.9	7.0	↑ 1.00%	2,939,568
VCG	10.2	10.3	↑ 0.66%	2,247,505
SHB	7.1	7.1	↓ -0.11%	2,228,811
KLS	8.8	8.8	↑ 0.43%	2,008,860
DCS	3.9	3.9	↑ 1.26%	1,877,588

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTL	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
CTI	8.7	9.3	0.6	↑ 6.90%
KMR	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%
VPH	7.4	7.9	0.5	↑ 6.76%
CMX	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BVG	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
DLR	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
TAG	35.0	38.5	3.5	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
IDV	18.1	19.9	1.8	↑ 9.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ALP	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
VNI	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
VNL	16.0	14.9	-1.1	↓ -6.88%
FDG	6.0	5.6	-0.4	↓ -6.67%
HVX	4.6	4.3	-0.3	↓ -6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PPE	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
VMC	17.1	15.4	-1.7	↓ -9.94%
SDC	8.2	7.4	-0.8	↓ -9.76%
CAN	19.9	18.0	-1.9	↓ -9.55%
CID	4.4	4.0	-0.4	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	7,375,890	6.3%	990	6.7	0.4
STB	6,378,517	5.4%	703	25.3	1.2
HQC	5,198,360	4.2%	452	14.8	0.6
ITA	4,212,680	0.2%	26	252.2	0.6
SSI	3,750,980	9.9%	1,471	12.0	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	2,939,568	-1.1%	(160)	-	0.5
VCG	2,247,505	3.4%	403	25.3	0.9
SHB	2,228,811	17.1%	1,884	3.8	0.6
KLS	2,008,860	6.4%	810	10.7	0.7
DCS	1,877,588	-1.0%	(109)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTL	↑ 7.0%	1.5%	237	51.8	0.8
CTI	↑ 6.9%	4.5%	537	17.3	0.8
KMR	↑ 6.8%	3.2%	377	25.0	0.7
VPH	↑ 6.8%	4.3%	626	12.6	0.5
CMX	↑ 6.7%	1.6%	196	32.7	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BVG	↑ 10.0%	-18.3%	(1,650)	-	0.4
DLR	↑ 10.0%	-4.3%	(593)	-	0.5
TAG	↑ 10.0%	2.3%	457	84.3	2.1
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
IDV	↑ 9.9%	39.0%	4,073	4.9	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	371,060	18.6%	3,913	10.1	1.8
PHR	293,230	20.0%	5,241	6.3	1.3
GMD	239,910	4.3%	1,729	17.8	0.8
FCN	180,000	23.8%	4,503	3.9	1.2
MSN	169,350	2.7%	557	147.2	4.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	152,600	6.4%	810	10.7	0.7
PVS	149,000	17.3%	2,872	6.3	1.1
PLC	126,000	18.3%	2,927	6.4	1.1
VND	115,000	10.9%	1,265	7.8	0.8
SDH	67,000	-8.1%	(611)	-	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	40.9%	6,696	9.6	3.7
VNM	117,520	40.5%	8,053	17.5	7.0
VCB	66,973	9.8%	1,757	16.5	1.6
CTG	63,670	16.0%	2,287	7.5	1.3
VIC	62,248	47.1%	6,710	10.2	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	7.5%	1,027	15.3	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,130	17.3%	2,872	6.3	1.1
SHB	6,291	17.1%	1,884	3.8	0.6
OCH	4,520	5.9%	687	32.9	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	3.07	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
DRH	2.98	-5.1%	(504)	-	0.3
SVI	2.73	29.3%	5,862	5.9	1.6
VPH	2.66	4.3%	626	12.6	0.5
GMD	2.41	4.3%	1,729	17.8	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	6.73	1.3%	135	30.3	0.4
CVN	4.96	-43.4%	(4,323)	-	0.3
SDH	4.55	-8.1%	(611)	-	0.7
PVV	4.19	-26.7%	(2,364)	-	0.3
PFL	4.02	-16.1%	(1,522)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)